

**MẪU HỢP ĐỒNG GIA CÔNG NGUYÊN TẮC SONG NGỮ VIỆT TRUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**越南社会主义共和国**

**独立 – 自由 – 幸福**

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC**

**原则合同**

**V/v: Gia công sản phẩm**

**关于：产品加工**

**Số: \_\_\_\_\_**

**编号: \_\_\_\_\_**

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự 91/2015/QH13 và Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam và các văn bản hướng dẫn. 依据越南社会主义共和国国会的《民法典》91/2015/QH13 和《民事诉讼法典》92/2015/QH13 以及相关指导文件。
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ngày 14/06/2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006. 依据越南社会主义共和国 2005 年 6 月 14 日颁布并于 2006 年 1 月 1 日起生效的《商法》36/2005/QH11。
- Căn cứ vào các luật liên quan có hiệu lực vào ngày ký của Hợp Đồng này. 依据本合同签署之日有效的相关法律。
- Căn cứ vào nhu cầu của Bên B và khả năng cung cấp hàng của Bên A. 依据乙方的需求以及甲方的供货能力。

Hôm nay, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_,

今日, 即 \_\_\_\_\_ 年 \_\_\_\_\_ 月 \_\_\_\_\_ 日,

Chúng tôi gồm:

我们包括:

**Bên A (Bên bán): \_\_\_\_\_**

**甲方 (卖方): \_\_\_\_\_**

**Địa chỉ: .**

**地址: .**

**Điện thoại: \_\_\_\_\_ Fax: \_\_\_\_\_ Hotline: \_\_\_\_\_**

**电话: \_\_\_\_\_ 传真: \_\_\_\_\_ 热线: \_\_\_\_\_**

## DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)  
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)  
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ [baogia@dichthuatsms.com](mailto:baogia@dichthuatsms.com) | [www.dichthuatsms.com](http://www.dichthuatsms.com)



### MẪU HỢP ĐỒNG GIA CÔNG NGUYÊN TẮC SONG NGỮ VIỆT TRUNG

Tài khoản: \_\_\_\_\_ tại \_\_\_\_\_.

账户: \_\_\_\_\_ 于 \_\_\_\_\_。

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

税务代码: \_\_\_\_\_

Đại diện: \_\_\_\_\_ Chức vụ: \_\_\_\_\_

代表: \_\_\_\_\_ 职务: \_\_\_\_\_

**Bên B (Bên mua):** \_\_\_\_\_

乙方 (买方): \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

地址: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_ Fax: \_\_\_\_\_

电话: \_\_\_\_\_ 传真: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_ tại \_\_\_\_\_.

账户: \_\_\_\_\_ 于 \_\_\_\_\_。

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

税务代码: \_\_\_\_\_

Đại diện: \_\_\_\_\_ Chức vụ: \_\_\_\_\_

代表: \_\_\_\_\_ 职务: \_\_\_\_\_

Sau khi thỏa thuận hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau:

经协商, 双方一致同意签署本合同, 条款如下:

#### Điều 1: HÀNG HÓA - SỐ LƯỢNG - GIÁ

##### 第 1 条: 货物 - 数量 - 价格

- Sản phẩm được hiểu là các hàng hóa hoặc dịch vụ được hai bên thỏa thuận cung cấp theo hợp đồng này, được mô tả chi tiết trong yêu cầu đặt hàng của Bên B.  
产品指双方在本合同中约定提供的货物或服务, 具体描述于乙方的订货要求中。
- Bên A cung cấp cho Bên B các mặt hàng sản phẩm theo từng yêu cầu đặt hàng cụ thể từ Phòng Kinh doanh Bên B. Yêu cầu đặt hàng bằng Email, kèm file chi tiết.  
甲方根据乙方销售部具体订货要求, 向乙方提供产品商品。订货要求通过电子邮件, 并附详细文件。
- Bên B có thể thay đổi đơn hàng nếu được Bên A chấp thuận bằng văn bản. Nhằm đáp ứng yêu cầu thay đổi đơn hàng của Bên B, Bên A có thể thay đổi giá cả và lịch giao hàng. Nếu Bên A đã tiến hành công việc hoặc mua sẵn các vật liệu nhằm phục vụ đơn hàng của Bên B và yêu cầu thay đổi của Bên B khiến cho công việc hoặc các vật liệu đó trở nên không cần thiết nữa thì Bên B vẫn phải chịu trách nhiệm thanh

## MẪU HỢP ĐỒNG GIA CÔNG NGUYÊN TẮC SONG NGỮ VIỆT TRUNG

toán các chi phí đó.

乙方可更改订单，若经甲方书面同意。为满足乙方更改订单的要求，甲方可更改价格和交货时间表。若甲方已进行工作或采购材料以服务乙方订单，而乙方更改要求导致该工作或材料变得不必要，则乙方仍须承担支付该等费用的责任。

- Giá cả cho từng mặt hàng được tính theo \_\_\_\_\_ (ví dụ: diện tích thực tế, số lượng, hoặc tiêu chí khác được thỏa thuận).  
每件商品的价格根据 \_\_\_\_\_ (例如：实际面积、数量或其他商定标准) 计算。

### Điều 2: QUY CÁCH – CHẤT LƯỢNG

#### 第 2 条：规格 – 质量

- Quy cách và chất lượng sản phẩm được thực hiện cụ thể theo từng yêu cầu đặt hàng qua email của bộ phận Kinh doanh Bên B. Nội dung đặt hàng là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng Nguyên tắc này.  
产品规格和质量根据乙方销售部通过电子邮件的具体订货要求执行。订货内容是本原则合同不可分割的部分。
- Bên A cam kết giao hàng theo đúng chất lượng Bên B đã yêu cầu (dựa trên những yếu tố kỹ thuật đã được Bộ phận sản xuất Bên B chấp nhận).  
甲方承诺按照乙方要求的质量交货（基于乙方生产部已接受的技术因素）。
- Bên B có quyền trả lại hàng nếu như sản phẩm do Bên A giao không đạt chất lượng, khác so với hàng hóa mà Bên B đã đặt và Bên A phải giao bù lại hàng mới theo yêu cầu của Bên B.  
若甲方交付的产品未达到质量要求，与乙方订购的货物不同，则乙方有权退货，且甲方必须根据乙方要求补交新货。

### Điều 3: THỜI GIAN GIAO HÀNG

#### 第 3 条：交货时间

- Thời hạn giao hàng: được thỏa thuận theo từng đợt đặt hàng cụ thể.  
交货期限：根据每个具体订货批次协商。
- Địa chỉ giao hàng: .  
交货地址：。
- Điều kiện giao hàng (chọn một tùy chọn phù hợp):
- Giao hàng (选择一个合适的选项):
  - Tùy chọn 1: giao hàng tận nơi.
  - 选项 1: 送货上门。

## MẪU HỢP ĐỒNG GIA CÔNG NGUYÊN TẮC SONG NGỮ VIỆT TRUNG

- Tùy chọn 2: Bên B tự nhận hàng tại kho của Bên A.
- 选项 2: 乙方在甲方仓库自提货物。
- Tùy chọn 3: giao hàng qua dịch vụ vận chuyển thứ ba, với điều kiện \_\_\_\_\_.
- 选项 3: 通过第三方运输服务交货, 条件为\_\_\_\_\_。
- Tùy chọn 4: giao hàng từng phần theo lịch trình \_\_\_\_\_.
- 选项 4: 按\_\_\_\_\_时间表分批交货。
- Chi phí vận chuyển (chọn một tùy chọn phù hợp):
- 运输费用 (选择一个合适的选项):
  - Tùy chọn 1: do Bên A chịu trách nhiệm.
  - 选项 1: 由甲方承担。
  - Tùy chọn 2: do Bên B chịu trách nhiệm.
  - 选项 2: 由乙方承担。
  - Tùy chọn 3: chia sẻ giữa hai bên theo tỷ lệ \_\_\_\_\_.
  - 选项 3: 双方按\_\_\_\_\_比例分担。

### Điều 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

#### 第 4 条: 支付方式

- Phương thức thanh toán (chọn một tùy chọn phù hợp):
- 支付方式 (选择一个合适的选项):
  - Tùy chọn 1: Bên A chốt và gửi công nợ cho Bên B vào ngày \_\_\_\_\_ hàng tháng, sau khi Bên B đối chiếu và xác nhận Bên A sẽ xuất hóa đơn gửi cho Bên B. Bên B thanh toán bằng chuyển khoản trong vòng \_\_\_\_\_ ngày kể từ khi nhận hàng và hóa đơn.
  - 选项 1: 甲方于每月\_\_\_\_\_日结算并向乙方发送债务清单, 经乙方核对并确认后, 甲方将开具发票发送给乙方。乙方自收到货物和发票之日起\_\_\_\_\_日内通过转账支付。
  - Tùy chọn 2: Thanh toán ngay lập tức khi nhận hàng, bằng \_\_\_\_\_ (tiền mặt/chuyển khoản/khác).
  - 选项 2: 收到货物时立即支付, 通过\_\_\_\_\_ (现金/转账/其他)。
  - Tùy chọn 3: Thanh toán theo giai đoạn: \_\_\_\_\_% trước khi sản xuất, \_\_\_\_\_% khi giao hàng, \_\_\_\_\_% sau khi kiểm tra chất lượng.
  - 选项 3: 分阶段支付: 生产前\_\_\_\_\_%, 交货时\_\_\_\_\_%, 质量检查后\_\_\_\_\_%。
  - Tùy chọn 4: Thanh toán trước một phần \_\_\_\_\_% khi đặt hàng, phần còn lại thanh toán trong vòng \_\_\_\_\_ ngày sau khi nhận hàng.
  - 选项 4: 订货时预付\_\_\_\_\_%, 剩余部分在收到货物后\_\_\_\_\_日内支付。

## DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)  
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)  
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber)

✉ [baogia@dichthuatsms.com](mailto:baogia@dichthuatsms.com) | [www.dichthuatsms.com](http://www.dichthuatsms.com)



### MẪU HỢP ĐỒNG GIA CÔNG NGUYÊN TẮC SONG NGỮ VIỆT TRUNG

- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện một phần của tài liệu.
  - **BẮM MUA** trên website [www.dichthuatsms.com](http://www.dichthuatsms.com) để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
  - Hoặc **Yêu cầu biên soạn/dịch thuật** hợp đồng song ngữ.
- 
- Liên hệ **0934.436.040** (Zalo, Viber).

*Quét mã QR để liên hệ qua Zalo:*

